**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,
thực vật của thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/7-20/8/2022**

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/THA/560 | BVTV | Thái Lan | 19/08/2022 | Thông báo của Bộ Nông nghiệp V/v: Điều kiện nhập khẩu hạt giống Kratom B.E. 2565 (2022) | Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đổi với hạt Kratom (*Mitragyna speciosa*) để gieo trồng |
| 2 | G/SPS/N/THA/559 | BVTV | Thái Lan | 19/08/2022 | Dự thảo Thông báo của Bộ Nông nghiệp V / v Điều kiện Nhập khẩu cần sa và dạt cây gai dầu B.E. … (…) | Yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu cần sa và cây gai dầu(*Cannabis sativa*) hạt giống để gieo trồng. |
| 3 | G/SPS/N/EU/591 | BVTV | EU | 19/08/2022 | Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1372 ngày 5 tháng 8 năm 2022 liên quan đến các biện pháp tạm thời để ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan, trong Liên minh EU đối với *Meloidogyne graminicola* (Golden & Birchfield) | Các yêu cầu nhập khẩu và các biện pháp liên quan đến *Meloidogyne graminicola* (Golden & Birchfield). |
| 4 | G/SPS/N/CAN/1451 | BVTV | Canada | 19/08/2022 | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất phụ gia thực phẩm được cấp phép để xác định rõ ràng hơn đối với rau đóng hộp | Bộ Y tế Canada thực hiện các sửa đổi nhỏ đối với danh sách các chất phụ gia thực phẩm được cấp phép, chẳng hạn như thay đổi để sửa lỗi, cải thiện sự rõ ràng, đạt được sự nhất quán về các điều khoản được sử dụng trong danh sách hoặc để điều chỉnh danh sách với các sửa đổi của Phần B của Quy định Thực phẩm và Thuốc. Những thay đổi nhỏ này không nhằm mục đích thay đổi việc sử dụng phụ gia thực phẩm được phép.Để làm đảm bảo tính nhất quán trong thuật ngữ, Bộ Y tế Canada đã thay thế "cà chua" bằng "cà chua đóng hộp" và "rau đóng hộp" bằng "đóng hộp (đặt tên cho loại rau)" và "rau đóng hộp không chuẩn hóa" trong danh sách các chất phụ gia thực phẩm được cấp phép, có hiệu lực từ ngày 5 tháng 8 năm 2022. |
| 5 | G/SPS/N/ARM/42 | CN, TY | Armenia | 19/08/2022 | Dự thảo sửa đổi Chương 37 của Quy định về Yêu cầu vệ sinh thú y (Vệ sinh thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát thú y (Giám sát) và sửa đổi mẫu giấy chứng nhận thú y để nhập khẩu vào Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu đối với phụ gia thức ăn cho chó và mèo và thức ăn chế biến sẵn cho chó và mèo đã qua xử lý nhiệt (Mẫu số 36). | Dự thảo sửa đổi yêu cầu đối với phụ gia thức ăn cho chó mèo, cũng như thức ăn chế biến sẵn cho chó mèo đã qua xử lý nhiệt, liên quan đến chế độ xử lý nhiệt mà nguyên liệu có nguồn gốc động vật phải tuân theo trong quá trình sản xuất. thức ăn chăn nuôi chế biến sẵn và phụ gia thức ăn chăn nuôi. |
| 6 | G/SPS/N/ARM/41 | BVTV | Armenia | 19/08/2022 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu ngày 7 tháng 11 năm 2016 số 159. | Dự thảo sửa đổi quy định về giám sát tại nơi sản xuất, phân loại, bảo quản và đóng gói hạt giống và nguyên liệu trồng trọt nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu từ các nước thứ ba, kiểm soát trước khi vận chuyển ở nước thứ ba của lô hạt giống và nguyên liệu trồng trọt được nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của Liên minh. |
| 7 | G/SPS/N/EU/590 | CN, TY | EU | 18/08/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1375 ngày 5 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc từ chối cấp phép ethoxyquin làm phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc nhóm chức năng của chất chống oxy hóa và bãi bỏ Quy định thực hiện (EU) 2017/962 | Việc cho phép ethoxyquin được sử dụng như một chất phụ gia thức ăn chống oxy hóa cho tất cả các loài động vật đã bị đình chỉ bởi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2017/962 ngày 7 tháng 6 năm 2017. Việc cấp phép chất phụ gia đã bị đình chỉ trong khi người nộp đơn xin phép gửi dữ liệu bổ sung, phù hợp với lịch trình thời gian liệt kê các nghiên cứu cần thiết được thực hiện. Quy định thực thi (EU) 2017/962 quy định việc xem xét lại biện pháp đình chỉ muộn nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong bất kỳ trường hợp nào sau khi EFSA thông qua báo cáo ​​không có lợi về tính an toàn và hiệu quả của phụ gia ethoxyquin.Sau khi đánh giá các dữ liệu bổ sung đã nộp, vào ngày 27 tháng 1 năm 2022, EFSA đã kết luận rằng ethoxyquin không có lợi việc sử dụng làm chất phụ gia, đặc biệt đối với động vật sống lâu và sinh sản, với người tiêu dùng và môi trường. Do đó các điều kiện cho phép chất phụ gia được quy định bởi luật liên quan của Liên minh Châu Âu vẫn không được đáp ứng, việc cấp phép ethoxyquin đã phải bị từ chối, đây là Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1375. Do đó thông báo xác nhận việc rút khỏi thị trường EU đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi ethoxyquin để sử dụng cho tất cả các loài động vật |
| 8 | G/SPS/N/EGY/137 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Ai Cập | 16/08/2022 | Quyết định số 6 năm 2022 về giới hạn cho phép của ô nhiễm các chất hóa học trong thực phẩm. | Quyết định này điều chỉnh cách tiếp cận của Cơ quan An toàn Thực phẩm Ai Cập để quản lý các rủi ro liên quan đến chất gây ô nhiễm và xác định giới hạn tối đa của chất gây ô nhiễm hóa học trong thực phẩm nhằm mục đích kiểm soát và tuân thủ các mức ô nhiễm hóa học theo Codex và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan nhằm đạt được mục tiêu chính của NFSA là đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm để duy trì sức khỏe và sự an toàn của con người. |
| 9 | G/SPS/N/UKR/181 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Ukraine | 15/08/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ukraine "Phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa". | Dự thảo Lệnh quy định việc phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa.Việc thông qua dự thảo này sẽ đưa luật pháp của Ukraine liên quan đến chất lượng và an toàn thực phẩm phù hợp với luật pháp của EU và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Chỉ thị 1999/2/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 2 năm 1999 về tính gần đúng luật của các Quốc gia thành viên liên quan đến thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa và Chỉ thị 1999/3/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 22 tháng 2 năm 1999 về việc thành lập một danh sách các loại thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa.Do tồn tại các điều khoản liên quan đến các chi tiết cụ thể của việc ghi nhãn thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa, dự thảo cũng được thông báo theo các yêu cầu của Hiệp định về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại. |
| 10 | G/SPS/N/BRA/2063 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 15/08/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1107, ngày 4 tháng 8 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa các hoạt chất A18 - abamectin, A26 - azoxystrobin, B55 - emamectin Benzoat, C03 - carbaryl, C32 - clethodym, C40 - chlorfenapyr, C55 - Hợp chất gốc đồng, B61 - beta-cyfluthrin, F49 - fludioxonil, G05.1 - glufosinate của amoni, H07 - methyl haloxyfop-p, I13 - imidacloprid, I15 - imazamoxy, L05 - lufenuron, M37 - mepiquat và T48 - thiamethoxam vào danh sách về thành phần làm sạch gia dụng cho thuốc trừ sâu Sản phẩm và chất bảo quản gỗ, được xuất bản theo Chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 11 | G/SPS/N/TUR/121/Add.1 | TY | Thổ Nhĩ Kỳ | 12/08/2022 | Cập nhật Giấy chứng nhận sức khỏe thú y cho việc xuất khẩu len và lông chưa được xử lý, da sống và da của động vật có móng đã qua xử lý, và nguyên liệu thô đã qua xử lý để sản xuất gelatine và collagen dành cho người tiêu dùng sang Thổ Nhĩ Kỳ | Cập nhật Giấy chứng nhận sức khỏe thú y để xuất khẩu len và lông chưa qua xử lý, da sống và da của động vật có móng đã qua xử lý, và nguyên liệu thô đã qua xử lý để sản xuất Gelatine và Collagen dành cho người tiêu dùng sang Thổ Nhĩ Kỳ. Giấy chứng nhận sức khỏe thú y được thông báo cho WTO thông qua G/SPS/N/TUR/121 ngày 12 tháng 4 năm 2022 đã được sửa đổi bằng cách xem xét các ý kiến đóng góp. |
| 12 | G/SPS/N/EU/589 | CN, TY | EU | 11/08/2022 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1382 ngày 8 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cho phép điều chế *Propionibacterium freudenreichii* DSM 33189 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 12856 làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Quy định (EC) số 1831/2003 quy định về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở, thủ tục để cấp phép theo Điều 7 (1) của Quy định (EC) số 1831/2003.Đơn đăng ký đã được đệ trình để cấp phép điều chế *Propionibacterium freudenreichii* DSM 33189 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM12856 được đính kèm chi tiết và tài liệu được yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã kết luận ngày 26 tháng 1 năm 2022 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, việc bào *chế Propionibacterium freudenreichii* DSM 33189 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM 12856 không có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe động vật, an toàn cho người tiêu dùng hoặc môi trường. Nó cũng kết luận rằng chất phụ gia không gây kích ứng cho mắt và da nhưng nên được coi là chất gây mẫn cảm đường hô hấp và không thể đưa ra kết luận nào về khả năng gây mẫn cảm da của chất phụ gia. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Việc đánh giá bào chế *Propionibacterium freudenreichii* DSM 33189 và *Lentilactobacillus buchneri* DSM12856 cho thấy rằng các điều kiện để được cấp phép, như quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003 đều được đáp ứng. Theo đó, việc sử dụng chế phẩm phải được cho phép như quy định trong Phụ lục của Quy định này |
| 13 | G/SPS/N/EU/588 | CN, TY | EU | 11/08/2022 | Quy định Thực hiện của Ủy ban (EU) 2022/1383 ngày 8 tháng 8 năm 2022 liên quan đến việc cấp phép chiết xuất oliban từ Boswellia serrata Roxb.ex Colebr. như một chất phụ gia thức ăn cho ngựa và chó | Quy định (EC) số 1831/2003 quy định về việc cho phép các chất phụ gia được sử dụng trong dinh dưỡng động vật và các cơ sở, thủ tục để cấp phép như Điều 10 (2) quy định việc đánh giá lại các chất phụ gia được cho phép theo Chỉ thị của Hội đồng 70/524 / EEC. Chiết xuất Olibanum được cho phép không giới hạn thời gian theo Chỉ thị 70/524 / EEC như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Chất phụ gia Olibanumđã được đưa vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như một sản phẩm hiện có, theo Điều 10 (1) (b) của Quy định (EC) số 1831/2003. Theo Điều 10 (2) của Quy định (EC) số 1831/2003 cùng với Điều 7.Một đơn đăng ký đã được đệ trình để đánh giá lại chiết xuất oliban từ *Boswellia serrata Roxb*. ex Colebr. cho ngựa và chó. Người nộp đơn yêu cầu chất phụ gia được phân loại trong danh mục phụ gia 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn đăng ký được đính kèm với các chi tiết và tài liệu theo yêu cầu theo Điều 7 (3) của Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu ('Cơ quan') đã kết luận vào ngày 27 tháng 1 năm 2022 rằng theo các điều kiện sử dụng được đề xuất, chiết xuất olibanum từ *Boswellia serrata Roxb*. ex Colebr. không gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ vật nuôi, sức khoẻ người tiêu dùng và môi trường. Cơ quan cũng kết luận rằng chiết xuất olibanum từ *Boswellia serrata Roxb*. ex Colebr được coi là chất không gây kích ứng cho da và mắt nhưng không có dữ liệu và không thể đưa ra kết luận về khả năng gây viêm da và hô hấp. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia |
| 14 | G/SPS/N/USA/3345 | ATTP, BVTV, QLCL | Hoa Kỳ | 11/08/2022 | Dung sai thuốc trừ sâu ametryn, benfluralin, bensulfuron-metyl, bentazon, bispyribac-natri, chlorpropham, diclosulam, esfenvalerate, ethoxyquin, fenpropathrin, hydramethylnon (Pyrimidinone), imazaquin, phenmedipham, pyrithiobac-natri, teflutholerin-P; Đề xuất | Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đề xuất một sốtồn dư theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA) mà Cơ quan đã xác định là cần thiết hoặc thích hợp trong quá trình xem xét đăng ký được tiến hành theo Đạo luật Thuốc trừ sâu, Thuốc diệt nấm và diệt loài gặm nhấm của Liên bang (FIFRA) đối với các thành phần hoạt tính thuốc trừ sâu được xác định trong tài liệu này |
| 15 | G/SPS/N/EU/587 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 10/08/2022 | Quy định của Ủy ban (EU) 2022/1266 ngày 20 tháng 7 năm 2022 liên quan đến việc cho phép bột ngọt được sản xuất bằng cách lên men với *Corynebacterium glutamicum KCCM 80187* như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. | Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã kết luận ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo các điều kiện sử dụng được đề xuất, bột ngọt được sản xuất bằng cách lên men với vi khuẩn *Corynebacterium glutamicum KCCM 80187* không có tác dụng phụ đối với sức khỏe động vật, sức khỏe con người hoặc môi trường. Cơ quan kết luận thêm rằng M*onosodiumglutamate* có hiệu quả trong việc góp phần tạo nên hương vị của thức ăn chăn nuôi. |
| 16 | G/SPS/N/EU/586 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 10/08/2022 | Quy định của Ủy ban (EU) 2022/1247 liên quan đến việc cho phépAllura Red AC làm chất phụ gia thức ăn cho động vật có vú nhỏ không tự sản xuất thức ăn và các loài chim cảnh. | Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã kết luận vào ngày 11 tháng 11 năm 2021, theo các điều kiện sử dụng được đề xuất, Allura Red AC không có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ vật nuôi, sự an toàn của người tiêu dùng hoặc môi trường. Hơn nữa, Allura Red AC đã cho phép sử dụng trong thức ăn cho chó và mèo bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2020/197 và Hội đồng đã kết luận vào ngày 24 tháng 4 năm 2012. Allura Red AC có hiệu quả trong việc tạo màu cho thức ăn thông thường cho chó ở mức tối thiểu 50 mg/kg, tương đương với mức tối thiểu do cơ quan có thẩm quyền đề xuất cho việc sử dụng này đối với động vật có vú nhỏ và các loài chim cảnh. |
| 17 | G/SPS/N/EU/585 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 10/08/2022 | Quy định của Ủy ban (EU) 2022/1250 ngày 19 tháng 7 năm 2022 liên quan đến việc cho phép các chất etyl acrylat, pentyl isovalerat, butyl 2-metyl butyrat, 2-metylundecanal, (2E)-axit metylcrotonic, etyl (E, Z) -deca2,4-dienoat, butan-2-one, xyclohexyl axetat, 3,4-đimetylcyclopentan-1,2-dion,5-etyl-3-hydroxy-4-metylfuran-2 (5H) -on, phenetyl butyrat, hexyl phenylacetat, 4-metylacetophenone, 4-metoxyacetophenone, 3-metylphenol, 3,4-dimetylphenol, 1-metoxy-4-metylbenzen , trimethyloxazole và 4,5-dihydrothiophen-3 (2H) -one làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. | Các hoạt chất etyl acrylat, pentyl isovalerat, butyl 2-metylbutyrat, 2-metylundecanal, (2E)-metylcrotonic axit, etyl (E, Z) -deca-2,4-dinoat, butan-2-one, xyclohexyl axetat, 3,4 đimetylcyclopentan-1,2-dione, 5 etyl-3-hydroxy-4- metylfuran-2 (5H) -on, phenetyl butyrat, hexyl phenylacetat, 4 metylacetophenone4-metoxyacetophenone, 3-metylphenol, 3,4-đimetylphenol, 1-metoxy-4-metylbenzen, trimethyloxazole và 4 , 5-dihydrothiophen-3 (2H) -one đã cho phép không giới hạn thời gian theo chỉ thị 70/524 / EEC như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Những chất đó sau đó đã được đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi như các sản phẩm hiện có, phù hợp với Điều 10 (1) (b) của Quy định (EC) số 1831/2003. |
| 18 | G/SPS/N/EU/584 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 10/08/2022 | Quy định của Ủy ban (EU) 2022/1248 liên quan đến việc cấp phép cho tinh dầu từ *Origanum vulgare* ssp. *hirtum (link*) Ietsw*.* như một chất phụ gia thức ăn cho một số loài động vật nhất định. | Tinh dầu từ *Origanum vulgare* đã được phê duyệt không giới hạn thời gian theo Chỉ thị 70/524 / EEC như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã kết luận vào ngày 12 tháng 11 năm 2019 rằng, theo các điều kiện sử dụng được đề xuất, tinh dầu từ *Origanum vulgare ssp. hirtum (Link)* Ietsw*.* không gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ vật nuôi, sức khoẻ người tiêu dùng và môi trường. Cơ quan cũng kết luận rằng tinh dầu từ *Origanum vulgare* ssp*. hirtum (Link)* Ietsw*.* nên được coi là chất gây kích ứng da và mắt, và có khả năng gây mẫn cảm cho da và đường hô hấp. Do đó, Ủy ban cho rằng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp để ngăn ngừa các ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người sử dụng chất phụ gia. Cơ quan cũng kết luận, rằng tinh dầu từ *Origanum vulgare* ssp. *hirtum (Link)* Ietsw*.* được công nhận là tạo hương vị cho thực phẩm và chức năng của nó trong thức ăn về cơ bản giống như trong thực phẩm, do đó, không cần thiết phải xác minh tính hiệu quả của nó. |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1450 | ATTP, BVTV | Canada | 10/08/2022 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Quiazalopfop-ethyl *(PMRL2022-15)* | Mục tiêu của tài liệu là thảo luận thêm về giới hạn dư lượng tối đa đã được liệt kê (MRLs) đối với quiazalopfop-ethyl được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hạt của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc hàng đã qua chế biến |
| 0,1  | Cây ăn quả (nhóm cây trồng 11-09), quả có hạt (nhóm cây trồng 12-09), cây ăn quả dây leo, trừ quả kiwi lông xù (nhóm cây trồng 13-07F) |

1ppm = phần triệu |
| 20 | G/SPS/N/TPKM/592 | CT | Đài Loan | 09/08/2022 | Dự thảo Quy định về hạn chế sử dụng lá bạch đàn (*Eucalyptus globulus*) và các chất chiết xuất từ lá bạch đàn. | Dự thảo quy định này chỉ rõ việc hạn chế sử dụng đối với lá bạch đàn (*Eucalyptus globulus*) và các chất chiết xuất từ lá bạch đàn cho các mục đích liên quan tới thực phẩm. |
| 21 | G/SPS/N/NZL/693 | BVTV | Niu Di-lân | 09/08/2022 | Nhập khẩu hạt giống đạt tiêu chuẩn về sức khỏe sử dụng cho gieo trồng (155.02.05). | Bộ Nông nghiệp của Niu Di-lân đang tham vấn công khai về các đề xuất sửa đổi đối với hạt giống nhập khẩu đạt tiêu chuẩn về sức khỏe sử dụng cho gieo trồng (155.02.05):- Loại bỏ virus gây bệnh *Broad bean mottle virus, Cowpea severe mosaic virus, Pea early-browning virus* và *Peanut mottle virus*ra khỏi yêu cầu đối với hạt giống *Phaseolus* để gieo trồng.- Loại bỏ *Peanut mottle virus và Peanut stunt* virus ra khỏi yêu cầu đối với hạt *Pisum*để gieo trồng. |
| 22 | G/SPS/N/MEX/408 | BVTV | Mexico | 09/08/2022 | Dự thảo sửa đổi đối với tiêu chuẩn chính thức của Mexico NOM013-FITO-1995 thiết lập kiểm dịch bên ngoài để ngăn chặn sự xâm nhập của sâu bệnh hại lúa | Lý do cho việc sửa đổi dự thảo vì khi biết được sự thay đổi giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) của nước xuất khẩu, hoặc phát hiện rủi ro liên quan đến nhập khẩu không nằm trong các yêu cầu nhập khẩu hiện hành, Bộ phải thông báo lệnh cấm nhập khẩu trong "các yêu cầu nhập khẩu kiểm dịch thực vật tiêu chuẩn",hoặc nếu các biện pháp quản lý rủi ro được xác định để đảm bảo mức độ bảo vệ KDTV phù hợp theo yêu cầu, các sửa đổi được thực hiện phù hợp đối với các yêu cầu KDTV. |
| 23 | G/SPS/N/EU/583 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 09/08/2022 | Quy định của Ủy ban (EU) 2022/702 liên quan đến việc cho phép great mullein tincture như một chất phụ gia thức ăn cho một số loài động vật nhất định. | Đơn liên quan đến việc cho phép great mullein tincture như một chất phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, được phân loại trong danh mục 'phụ gia cảm quan' và trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn yêu cầu great mullein tincturecũng được phép sử dụng trong nước uống. Tuy nhiên, Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép sử dụng 'hợp chất tạo hương vị' trong nước uống. Do đó, không được phép sử dụng great mullein tincture trong nước để uống. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã kết luận vào ngày 12 tháng 11 năm 2019 và ngày 24 tháng 6 năm 2021 rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, great mullein tincture không có tác dụng phụ đối với sức khỏe động vật, sức khỏe người tiêu dùng hoặc môi trường. |
| 24 | G/SPS/N/IDN/144 | ATTP, BVTV, TY | Indonesia | 08/08/2022 | Quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Cộng hòa Indonesia số 12 năm 2022 liên quan đến việc kiểm soát an toàn thực phẩm đối với chất phóng xạ trong việc nhập khẩu thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật và thực phẩm tươi sống có nguồn gốc thực vật vào Lãnh thổ của Cộng hòa Indonesia. | Quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Indonesia số 12 năm 2022 liên quan đến việc kiểm soát an toàn thực phẩm chất phóng xạ nhập đối với phẩm tươi sống khẩu thực có nguồn gốc động vật và thực vật vào lãnh thổ Indonesia có mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng và nhằm ngăn chặn tiêu thụ thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật và thực vật bị nhiễm chất phóng xạ. |
| 25 | G/SPS/N/CHL/735 | TY | Chi Lê | 08/08/2022 | Dự thảo Nghị quyết thiết lập các yêu cầu đầu vào đối với lông vũ, lông cứng, lông ngựa và lông động vật, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết đã nêu. | Dự thảo biện pháp được thông báo thiết lập các yêu cầu vệ sinh sau đây đối với lông vũ, lông cứng, lông ngựa và lông động vật được nhập khẩu vào Chi Lê:1. Đối với lông cứng và lông tơ của gia cầm, phải xem xét tình trạng sức khoẻ động vật của nơi xuất xứ, phù hợp với khuyến nghị của Tổ chức Thú y Thế giới. Tình trạng sức khỏe này phải được Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi (SAG) chấp thuận; nói cách khác, lông phải trải qua một trong các phương pháp xử lý được chỉ định.2. Đối với lông của lợn phải xem xét tình trạng sức khoẻ động vật của nơi xuất xứ. Nơi xuất xứ phải được Tổ chức Thú y thế giới công nhận là không có dịch tả lợn châu Phi và phải đáp ứng các khuyến cáo của Tổ chức Thú y thế giới đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Trong cả hai trường hợp, SAG phải chấp thuận trạng thái này, nếu không, lông của lợn phải trải qua một trong các phương pháp xử lí được chỉ định.3. Đối với lông ngựa và lông của các động vật không phải là lợn, các phương pháp xử lí bắt buộc phải được chỉ định.4. Các yêu cầu nhất định liên quan đến hàng hóa đóng gói và thông tin được hiển thị trên bao bì.5. Về vận chuyển, hàng hoá phải được vận chuyển sao cho đảm bảo các điều kiện vệ sinh. Điều này sẽ ngăn hàng hóa tiếp xúc với bất kỳ nguồn mầm bệnh nào được đề cập trong thông báo này.6. Kiểm tra rõ thông tin được đưa vào giấy chứng nhận chính thức, giấy chứng nhận này phải được cấp bởi cơ quan y tế có liên quan.7. Thông báo này cũng đề cập đến các phương pháp kiểm định mà các sản phẩm có thể được yêu cầu phải khi đến nơi. |
| 26 | G/SPS/N/BRA/2062 | BVTV | Bra-xin | 08/08/2022 | Dự thảo Pháp lệnh: Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống atisô (*Cynara scolymus*) từ bất kỳ nguồn gốc nào. | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống atisô (*Cynara scolymus*) từ bất kỳ nguồn gốc nào. |
| 27 | G/SPS/N/UKR/179 | BVTV | Ukraine | 05/08/2022 | Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine ngày 22 tháng 7 năm 2022 số 818 "Về việc sửa đổi thủ tục kiểm duyệt, khảo sát, kiểm tra KDTV, kiểm tra KDTV lặp lại (trọng tài) (phân tích), giám sát, kiểm tra, giám sát, khử trùng các đối tượng được quy định, cấp giấy chứng nhận theo Luật của Ukraine"Về kiểm dịch thực vật", kiểm soát thanh tra về việc lấy mẫu và kiểm soát có chọn lọc đối với việc tiến hành kiểm dịch thực vật ". | Nghị quyết để thực hiện Luật Ukraine số 2246 ngày 12 tháng 5 năm 2022 "Về việc sửa đổi một số luật về sản xuất và cung cấp nông sản để không bị gián đoạn trong thời gian thiết quân luật" nhằm cải thiện các biện pháp kiểm dịch thực vật đối với việc vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật qua lãnh thổ Ukraine và để xuất khẩu.Nghị quyết đưa các thủ tục hiện có phù hợp với các yêu cầu của luật nói trên về:1) Giảm giấy chứng nhận kiểm dịch thực vậtđối với việc vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật và hạt giống qua lãnh thổ Ukraine. Đặc biệt, yêu cầu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch đối với việc vận chuyển hàng hóa có hạt giống nhập khẩu đã được bãi bỏ; Giấy chứng nhận kiểm dịch chỉ bắt buộc đối với việc xuất khẩu các sản phẩm thực vật từ khu vực cách ly và với điều kiện là các sản phẩm đó có thể lây lan sinh vật kiểm dịch thuộc chế độ kiểm dịch;2) Đơn giản hóa thủ tục cấp lại giấy chứng nhận KDTV đối với xuất khẩu nông sản có nguồn gốc thực vật, cụ thể là: để cấp lại các giấy chứng nhận này, không phải lúc nào cũng yêu cầu kết luận kiểm tra KDTV (phân tích), mà chỉ khi thay đổi nơi đến, với điều kiện là các biện pháp KDTV của quốc gia đó yêu cầu không có dịch hại.3) Cấp giấy chứng nhận KDTV và giấy chứng nhận KDTV tái xuất dưới dạng điện tử, không chỉ cấp ở dạng giấy như hiện nay. |
| 28 | G/SPS/N/UKR/178 | ATTP, TY | Ukraine | 05/08/2022 | Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine "Về việc phê duyệt Quy chế đăng ký đối với các sản phẩm thuốc thú y". | Dự thảo Nghị quyết thông qua quy định đăng ký đối với sản phẩm thuốc thú y. Thủ tục đăng ký bởi Viện Thú y Quốc gia Ukraine cung cấp đánh giá khoa học. Các dịch vụ đánh giá khoa học của một sản phẩm thuốc thú y là có tính phí.Mục tiêu của dự thảo Nghị quyết là xác định thủ tục đăng ký nhà nước đối với các sản phẩm thuốc thú y và thực hiện các yêu cầu của luật pháp EU vào luật pháp Ukraine. |
| 29 | G/SPS/N/CAN/1448 | BVTV | Canada | 05/08/2022 | RMD-22-02: Đề xuất quản lý rủi ro dịch hại đối với quy định C*ydalima perspectalis*(bướm đêm) ở Canada | Tài liệu Quản lý Rủi ro cung cấp đánh giá về các lựa chọn quản lý rủi ro để điều chỉnh *Cydalima perspectalis* (bướm đêm) ở Canada.*Cydalima perspectalis*, bướm đêm cây hộp (BTM), có nguồn gốc từ Đông Á và đã trở thành dịch hại xâm hại nghiêm trọng của loài thực vật *Buxus* spp. ở Châu Âu. Vào năm 2018, ba loài sâu bướm đã được báo cáo ở Ontario, Canada và sự hiện diện của sâu bệnh đã được Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) xác nhận vào tháng 11/2018.*C. perspectalis* hiện không phải là dịch hại được quản lý ở Canada. Mặc dù loài thực vật *Buxus* spp. không có nguồn gốc từ Bắc Mỹ, chúng phân bố rộng rãi trong các vườn ươm, vườn và công viên Bắc Mỹ như một loại cây bụi trang trí và do đó, sự hình thành và lan rộng của *C. perspectalis* ở Bắc Mỹ là một mối quan tâm đối với ngành cảnh quan và vườn ươm• Phương án 1: Hiện trạng: Không có biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể đối với *C. perspectalis.*• Phương án 2: Quy định của liên bang về dịch hại: Tạo ra một khu vực được điều chỉnh cục bộ ở Greater Toronto Area(GTA) và bán đảo Niagara (các thành phố tự trị có phát hiện tích cực vào năm 2021).• Lựa chọn 3: Quy định của liên bang về dịch hại: Tạo một khu vực được kiểm soát cho toàn Ontario (khuyến nghị).Thông tin phản hồi nhận được sẽ cung cấp thông tin về cách tiếp cận quy định của CFIA để quản lý nguy cơ dịch hại gây ra bởi *Cydalima perspectalis* ở Canada. |
| 30 | G/SPS/N/CAN/1447 | CT | Canada | 05/08/2022 | Đề xuất của Bộ Y tế Canada cho phép sử dụng chiết xuất từ trà xanh (*EGCG/*catechin) như một thành phần bổ sung trong thực phẩm. | Cục Quản lý Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã đánh giá chiết xuất trà xanh để sử dụng như một thành phần bổ sung. Đây là một trong những thành phần mà Cục Quản lý Thực phẩm đã xác định trước đây để đánh giá thêm vì nó là thành phần có trong (các) sản phẩm đủ điều kiện để chuyển sang khuôn khổ quản lý thực phẩm theo Giấy phép tiếp thị tạm thời.Chiết xuất trà xanh có lịch sử sử dụng an toàn như một hương liệu trong thực phẩm. Người bán thực phẩm có trách nhiệm tiếp tục sử dụng chiết xuất trà xanh làm hương liệu để đảm bảo rằng việc bán thực phẩm có chiết xuất trà xanh không vi phạm mục 4 của Đạo luật Thực phẩm và Thuốc.Đối với những người bán thực phẩm chọn sử dụng chiết xuất trà xanh làm thành phần bổ sung, Tổng cục Thực phẩm kết luận rằng thông tin liên quan đến sự an toàn của chiết xuất trà xanh đúng tiêu chuẩn hỗ trợ việc sử dụng an toàn trong thực phẩm bổ sung với mức độ sử dụng không vượt quá lượng tiêu thụ tương đương 300 mg epigallocatechin gallate *(EGCG)* và 600 mg tổng số catechin mỗi ngày, không vượt quá 100 mg EGCG và 200 mg tổng số catechin trên mỗi khẩu phần ăn và đáp ứng một số yêu cầu về thành phần và nhãn mác khác. |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2060 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/08/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1106, ngày 29 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa thành phần hoạt chất A68: aminocyclopyrachlor vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2059 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/08/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1105, ngày 28 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa thành phần hoạt chất *D58:* doryctobracon areolatus trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo Chỉ thị quy phạm số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 33 | G/SPS/N/CHL/730/Add.1 | ATTP, BVTV | Chi Lê | 04/08/2022 | Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật số 209 quy định giới hạn dư lượng tối đa đối với thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (được thông qua Nghị quyết miễn trừ số 892 năm 2020 của Bộ Y tế) | Theo yêu cầu của các nước thứ ba, ngày cuối cùng để lấy ý kiến về thông báo G/SPS/N/CHL/730 đã được kéo dài đến ngày 16 tháng 8 năm 2022.Mối quan tâm của phụ lục này: Sửa đổi ngày cuối cùng để lấy ý kiến. |
| 34 | G/SPS/N/BDI/14, G/SPS/N/KEN/166 G/SPS/N/RWA/7, G/SPS/N/TZA/198 G/SPS/N/UGA/208 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 738: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Củ sắn ngọt -, Bản sửa đổi lần thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các giống sắn củ ngọt của *Manihot esculenta* Crantz dùng cho người.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT |
| 35 | G/SPS/N/BDI/13, G/SPS/N/KEN/165 G/SPS/N/RWA/6, G/SPS/N/TZA/197 G/SPS/N/UGA/207 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 771: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Khoai lang tươi, Bản sửa đổi lần thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với khoai lang tươi (*Ipomoea batatas (L.) Lam*). được cung cấp trực tiếp và được đóng gói hoặc bán riêng cho người.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 36 | G/SPS/N/BDI/12, G/SPS/N/KEN/164 G/SPS/N/RWA/5, G/SPS/N/TZA/196 G/SPS/N/UGA/206 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 778: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Củ sắn đắng tươi, Bản sửa đổi lần thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với củ tươi của giống sắn đắng, Manihot esculenta Crantz để chuẩn bị trước khi người tiêu thụ.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này đã được thông báo cho Ủy ban TBT |
| 37 | G/SPS/N/BDI/11, G/SPS/N/KEN/163 G/SPS/N/RWA/4, G/SPS/N/TZA/195 G/SPS/N/UGA/205 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 776: 2022, Quy phạm thực hành - Sản xuất và xử lý củ sắn tươi, Bản sửa đổi lần thứ hai | Dự thảo Bộ luật Đông Phi này cung cấp các thông lệ được khuyến nghị đối với sản xuất, bảo quản, đóng gói và vận chuyển củ sắn tươi Manihot esculenta Crantz dùng cho người. Quy tắc này tập trung vào các vấn đề cụ thể đối với quá trình sản xuất sơ cấp và đóng gói củ sắn tươi để tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn và lành mạnh.Bộ quy tắc này đề cập đến Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP) và Thực hành sản xuất tốt (GMP) sẽ giúp kiểm soát các mối nguy về vi sinh vật, hóa học và vật lý liên quan đến tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất sắn củ tươi từ sản xuất sơ cấp đến đóng gói. Đặc biệt chú ý đến việc giảm thiểu hư hỏng và biến chất của củ sắn tươi trước khi đưa ra thị trường.Mã này không cung cấp thông tin chi tiết, được coi là có thể áp dụng chung cho tất cả các loại trái cây và rau quả hoặc các sản phẩm thực phẩm nói chung. Các quy định như vậy có sẵn trong các mã khác. Do đó, quy phạm này nên được sử dụng cùng với EAS 39 và CAC / RCP 53, Quy tắc thực hành vệ sinh đối với trái cây và rau tươi.Lưu ý: Dự thảo Bộ luật Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 38 | G/SPS/N/BDI/10, G/SPS/N/KEN/162 G/SPS/N/RWA/3, G/SPS/N/TZA/194 G/SPS/N/UGA/204 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 775: 2022, Quy phạm thực hành - Sản xuất và xử lý củ khoai tây, Bản sửa đổi lần thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cung cấp các thực hành được khuyến nghị đối với sản xuất, bảo quản, đóng gói và vận chuyển củ khoai tây (*Solanum tuberosum L.)* dùng cho người. Quy tắc này tập trung vào các vấn đề cụ thể đối với quá trình sản xuất chính và đóng gói củ khoai tây để tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn và lành mạnh.Bộ quy tắc này đề cập đến Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP) và Thực hành sản xuất tốt (GMP) sẽ giúp kiểm soát các mối nguy về vi sinh vật, hóa học và vật lý liên quan đến tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất củ khoai tây từ sản xuất ban đầu đến đóng gói. Đặc biệt chú ý đến việc giảm thiểu hư hỏng của củ khoai tây trước khi đưa ra thị trường.Mã này không cung cấp thông tin chi tiết được coi là có thể áp dụng chung cho tất cả các loại trái cây và rau quả hoặc các sản phẩm thực phẩm nói chung. Các quy định như vậy có sẵn trong các mã khác. Do đó, quy phạm này nên được sử dụng cùng với EAS 39 và CAC / RCP 53, Quy tắc thực hành vệ sinh đối với trái cây và rau tươi.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 39 | G/SPS/N/BDI/9, G/SPS/N/KEN/161 G/SPS/N/RWA/2, G/SPS/N/TZA/193 G/SPS/N/UGA/203 | BVTV | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 02/08/2022 | DEAS 780: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Lá sắn tươi, Bản sửa đổi lần thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với lá sắn tươi *Manihot esculenta* Crantz, hoặc *Manihot glaziovii*, để chuẩn bị trước khi tiêu thụ cho con người.Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo cho Ủy ban TBT. |
| 40 | G/SPS/N/USA/3344 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 01/08/2022 | Dung sai thuốc trừ sâu isofetamid. Quy định cuối cùng | Quy định thiết lập dung sai đối với isofetamid trong nhiều loại hàng hóa. |
| 41 | G/SPS/N/JPN/1076 | BVTV | Nhật Bản | 29/07/2022 | Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thực thi Luật BVTV, các yêu cầu liên quan. | Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thực thi Luật BVTV, các yêu cầu liên quan.MAFF đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thực thi Luật BVTV đưa ra các biện pháp đối với máy móc nông nghiệp nhập khẩu (đã qua sử dụng). Các yêu cầu như sau:1. Chỉ định máy đã qua sử dụng là sản phẩm thuộc diện hàng nhập khẩu cần kiểm dịch (Phụ lục 1);2. Yêu cầu nước xuất khẩu đính kèm giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, trong đó tuyên bố sản phẩm không dính đất/mảnh vụn thực vật trên mỗi lô hàng máy móc đã qua sử dụng nêu tại mục 1 (Phụ lục 2). |
| 42 | G/SPS/N/TUR/127 | ATTP | Thổ Nhĩ Kỳ | 28/07/2022 | Quy định đối với thực phẩm bổ sung. | Quy định gồm:a) Danh mục các hoạt chất trong thực phẩm bổ sung;b) Thủ tục đăng ký, chấp thuận các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhập khẩu, sản xuất, chế biến và lưu hành trên thị trường;c) Nhập khẩu, sản xuất, gia công, quảng cáo, khuyến mại và lưu thông trên thị trường thực phẩm bổ sung;(d) Phê duyệt, truy xuất nguồn gốc và quy định tại cơ sở sản xuất của thực phẩm bổ sung;(e) Quy định liên quan đến việc thành lập, làm việc, nguyên tắc của Ủy ban Thực phẩm bổ sung;(f) Quy tắc ghi nhãn thực phẩm bổ sung. |
| 43 | G/SPS/N/BRA/2057 | ATTP, TY | Bờ-ra-xin | 28/07/2022 | [Pháp lệnh SDA số 624 ngày 21 tháng 7 năm 2022 – Trưng cầu dân ý](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7145) trong 75 (bảy mươi lăm) ngày đối với dự thảo Nghị định phê duyệt quy chế đăng ký, sử dụng, kiểm tra sản phẩm dùng trong thú y của các cơ sở liên quan và các biện pháp khác. | Trưng cầu dân ý trong 75 ngày về dự thảo Nghị định phê duyệt quy chế đăng ký, sử dụng, kiểm tra sản phẩm dùng trong thú y, của các cơ sở liên quan và các biện pháp khác. |
| 44 | G/SPS/N/BRA/2056 | ATTP, TY | Bờ-ra-xin | 28/07/2022 | Sắc lệnh SDA số 623 ngày 21 tháng 7 năm 2022 – Trưng cầu dân ý trong 60 (sáu mươi) ngày với dự thảo Pháp lệnh tổng hợp các lệnh cấm trên toàn lãnh thổ quốc gia, sản xuất, xử lý, tiếp thị, nhập khẩu hoặc sử dụng các đầu vào đang hoạt động và sản phẩm của bác sĩ thú y sử dụng cụ thể. | Dự thảo Pháp lệnh tổng hợp các lệnh cấm trên toàn lãnh thổ về việc sản xuất, xử lý, tiếp thị, nhập khẩu hoặc sử dụng các nguyên liệu đầu vào và các sản phẩm thú y cụ thể. |
| 45 | G/SPS/N/BRA/2055 | ATTP, BVTV | Bờ-ra-xin | 28/07/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1102, ngày 13 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo đề xuất đưa thành phần hoạt chất A67 - AFIDOPYROPENE vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, công bố trên Chỉ thị số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bờ-ra-xin (DOU - Diário Onking da União). |
| 46 | G/SPS/N/BRA/2054 | ATTP, BVTV | Bờ-ra-xin | 28/07/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1103, ngày 13 tháng 7 năm 2022. | Dự thảo đề xuất các hoạt chất A26 - azoxystrobin, B54 - bixafem, C38 - chlorfluazurom, C78 - citrus Sinensis, D06 - deltamethrin, D17 - diflubenzuron, E05 - ethephon, E33 - epiropidione, F49 - fludioxonil - fluopyram, G05.1 - ammonium glufosinate, M52 - mefentrifuconazole, P53 - prothioconazole, P65 - pidiflumetofen, T19 - tricyclazole, T32 - tebuconazole, và T54 - trifloxystrobin trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, công bố trên Chỉ thị số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bờ-ra-xin (DOU - Diário Onking da União). |
| 47 | G/SPS/N/BRA/2053 | ATTP, BVTV | Bờ-ra-xin | 28/07/2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1104, ngày 14 tháng 7 năm 2022 | Dự thảo đề xuất đưa thành phần hoạt chất L07 - Larrea trident ata vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, công bố trên Chỉ thị số 103 - ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bờ-ra-xin (DOU - Diário Onking da União). |
| 48 | G/SPS/N/USA/3343 | ATTP, BVTV, TY | Hoa Kỳ | 25/07/2022 | Dung sai thuốc trừ sâu spiropidion. Quy định cuối cùng | Quy định thiết lập dung sai dư lượng thuốc trừ sâu spiropidion và các chất chuyển hóa, chất phân hủy trong nhiều loại hàng hóa. |
| 49 | G/SPS/N/USA/3342 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 25/07/2022 | Đơn (hồ sơ) kiến nghị nộp liên quan đến tồn dư hóa chất thuốc trừ sâu trong các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu góp ý | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị liên quan đến yêu cầu thiết lập, sửa đổi quy định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong các mặt hàng khác nhau. |
| 50 | G/SPS/N/UGA/202 | TY | U-gan-đa | 25/07/2022 | DUS 2664: 2022, Đặc điểm kỹ thuật -Gia cầm và sản phẩm từ gia cầm - Trứng muối, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trứng ngâm ăn trực tiếp, bao gồm mục đích ăn uống hoặc đóng gói.Ướp là quá trình bảo quản thực phẩm dễ hỏng trong giấm (hoặc dầu) có thêm gia vị, muối. Trứng muối là sản phẩm mới. Trứng muối có nguồn gốc từ trứng gà, trứng vịt hoặc trứng cút, tùy theo nhu cầu sẵn có. Trứng muối là sản phẩm mới có thời hạn sử dụng tương đối dài.Ướp trứng là quá trình bảo quản trứng trong giấm (dầu) có thêm gia vị, muối. Trứng muối có ưu điểm không cần điều kiện làm lạnh trong quá trình bảo quản, và có thể thêm cay.Dưa chua có vị trí quan trọng trong các món ăn truyền thống ở một số nước trên thế giới. Với sự phổ biến của trứng và các sản phẩm từ trứng, trứng ở dạng muối chua có tiềm năng sử dụng.Các công nghệ liên quan đến quá trình ngâm trứng đã được nghiên cứu nhằm cung cấp sản phẩm ăn liền bổ dưỡng cho người tiêu dùng.Dự thảo Tiêu chuẩn U-gan-đa này đã được thông báo cho UB TBT |
| 51 | G/SPS/N/UGA/201 | BVTV | U-gan-đa | 25/07/2022 | DUS 1576: 2022, Đặc điểm kỹ thuật - Phân bón sinh học, Ấn bản thứ hai | Dự thảo quy định yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón sinh học. Tiêu chuẩn không bao gồm các yêu cầu đối với phân bón hóa học thông thường.Phân bón sinh học là các sản phẩm có chứa vi sinh vật sống dựa trên chất mang (rắn hoặc lỏng) có ích trong nông nghiệp như cố định đạm, hòa tan phốt pho hoặc huy động chất dinh dưỡng, để tăng năng suất của đất, cây trồng. Phân bón sinh là việc sử dụng các vi sinh vật trong đất để tăng khả năng cung cấp và hấp thụ các chất dinh dưỡng khoáng cho cây trồng.Phân bón sinh học là các sản phẩm vi sinh đóng vai trò cung cấp chất dinh dưỡng và chất điều hòa đất giúp hôc trợ khó khăn nông nghiệp và bảo vệ môi trường. Rất cần điều kiện đất tốt để tăng sản lượng cây trồng, phúc lợi sức khỏe con người và động vật. Các vật liệu sử dụng duy trì tình trạng đất được coi là các chất môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần xử lý khi sử dụng chế phẩm vi sinh. Kiểm soát chất lượng phải được thực hiện nhằm mục đích có lợi cho khách hàng. Cơ quan sẽ cố gắng phát triển kỹ thuật sản xuất, cải tiến hệ thống quản lý các sản phẩm vi sinh.Mặc dù tác động của phân bón sinh học giữa các quốc gia là khác nhau do sự khác biệt về điều kiện khí hậu và đất đai, nhưng tầm quan trọng của phân bón sinh học đối với việc bảo tồn môi trường trong thế kỷ 21 là không thể phủ nhận. Các công nghệ sinh học khác nhau cũng cần được chấp nhận để tăng tác động phân bón sinh học tới môi trường. |
| 52 | G/SPS/N/JPN/1074 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc trừ sâu: Fluensulfone. |
| 53 | G/SPS/N/JPN/1073 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp). | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc trừ sâu: Fenpyroximate. |
| 54 | G/SPS/N/JPN/1072 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp[)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7120) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Nicarbazin. |
| 55 | G/SPS/N/JPN/1071 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc trừ sâu: Tetraconazole. |
| 56 | G/SPS/N/JPN/1070 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc thú y: Cloxacillin. |
| 57 | G/SPS/N/JPN/1069 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc thú y: Didecyldimethylammonium chloride. |
| 58 | G/SPS/N/JPN/1068 | ATTP, TY | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp). | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc thú y: 1,2-Dichlorobenzene. |
| 59 | G/SPS/N/JPN/1067 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc trừ sâu: Etofenprox. |
| 60 | G/SPS/N/JPN/1066 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 25/07/2022 | Sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)  | Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp:Thuốc trừ sâu: Florasulam. |
| 61 | G/SPS/N/CAN/1446 | ATTP | Ca-na-đa | 25/07/2022 | Thông báo sửa đổi danh sách các chất mang, dung môi chiết xuất được phép để mở rộng việc sử dụng một số dung môi cho chiết xuất không phải hương liệu. | Bộ Y tế Ca-na-đa đã công bố sửa đổi quy định về thực phẩm và dược phẩm và quy định về cần sa (Thực phẩm bổ sung) trên Công báo Ca-na-đa, Phần II, tạo ra khuôn khổ pháp lý khi bán các thực phẩm bổ sung ở Ca-na-đa. Bộ Y tế Ca-na-đa đã sửa đổi danh sách chất mang (hoặc dung dịch chiết xuất được phép sử dụng) để mở rộng việc sử dụng một số dung môi nhất định nhằm sản xuất chiết xuất không hương liệu, chiết xuất từ caffeine có thể được sử dụng làm thành phần trong thực phẩm bổ sung. Sửa đổi có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2022.Thông báo có mục đích thông báo công khai quyết định về vấn đề cung cấp thông tin liên hệ liên quan đến thắc mắc, phản hồi về sửa đổi. |
| 62 | G/SPS/N/THA/555 | TY | Thái Lan | 22/07/2022 | Lệnh của DLD tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm động lực cao (biến thể phụ H5N1) | Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam hết hiệu lực ngày 15 tháng 7 năm 2022. WOAH thông báo về việc bùng phát dịch cúm gia cầm gâđộng lực(HPAI) ở Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần phải ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI). Theo Đạo luật Dịch tễ động vật BE 2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và thịt gia cầm từ Việt Nam sẽ tiếp tục bị tạm ngừng trong 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2022. |
| 63 | G/SPS/N/USA/2156/Add.11 | BVTV | Hoa Kỳ | 21/07/2022 | Các tiêu chuẩn nước nông nghiệp liên quan đến trồng, thu hoạch, đóng gói và lưu trữ sản phẩm dùng cho người; Quy tắc đề xuất; Thông báo bổ sung xây dựng quy tắc đề xuất | Cơ quan quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA, Cơ quan) đề xuất ngày tuân thủ các quy định về nước nông nghiệp cho các sản phẩm được che phủ (trừ rau mầm) "Tiêu chuẩn về trồng trọt, thu hoạch, đóng gói, lưu trữ sản phẩm dùng cho người liên quan đến nước nông nghiệp”. Ngày tuân thủ đề xuất đối với yêu cầu về nước nông nghiệp trước khi thu hoạch, và việc thực thi quyết định về nước nông nghiệp trong và sau thu hoạch nhằm đảm bảo việc áp dụng tối ưu quy trình, tối ưu hóa biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng. FDA sẽ gia hạn thời gian góp ý đối với quy định này.https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2022-07-19/pdf/2022-15134.pdfhttps://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/USA/22\_4815\_00\_e.pdfPhụ lục liên quan: Thay đổi về ngày đề xuất thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 64 | G/SPS/N/UKR/165/Rev.1 | TY | U-crai-na | 21/07/2022 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm U-crai-na "Phê duyệt yêu cầu về đối xử nhân đạo với động vật tại thời điểm giết động vật" | Dự thảo Lệnh đưa ra các quy định giết động vật nuôi/động vật nuôi dùng làm thực phẩm, lấy len, da, lông hoặc các phụ phẩm khác cũng như giết động vật vì mục đích giảm số lượng và các hoạt động liên quan. Lệnh được soạn thảo dựa trên Quy định Hội đồng (EC) số 1099/2009 ngày 24 tháng 9 năm 2009 về việc đối xử nhân đạo với động vật tại thời điểm giết hại. |
| 65 | G/SPS/N/KOR/758 | ATTP, BVTV | Hàn Quốc | 21/07/2022 | Đề xuất sửa đổi đối tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật của thực phẩm | Các sửa đổi nhằm mục đích:1. Thiết lập giới hạn của fumonisin trong sunsik (thức ăn hạt khô);2. Mở rộng đối tượng quản lý đối với độc tố gây tiêu chảy;3. Sửa đổi mức tồn dư thuốc BVTV tối đa trong nông sản (tám loại thuốc trừ sâu bao gồm Cypermethrin). |
| 66 | G/SPS/N/KOR/757 | ATTP, BVTV, TY, QLCL | Hàn Quốc | 21/07/2022 | Đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật của thực phẩm | Các sửa đổi nhằm mục đích:1. Mở rộng phạm vi rã đông tạm thời đối với các sản phẩm đông lạnh;2. Sửa đổi thông số kỹ thuật đối với sữa ong chúa;3. Rà soát, làm rõ các sản phẩm có giới hạn độc tố nấm mốc;4. Sửa đổi danh sách thành phần thực phẩm trong (Phụ lục 1) và (Phụ lục 2);5. Sửa đổi và thiết lập mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản (120 loại, bao gồm Deltamethrin);6. Rà soát và thiết lập mức dư lượng tối đa thuốc thú y trong thực phẩm;7. Rà soát và thiết lập các mữc dư lượng tối đa đối với sản phẩm chăn nuôi và thủy sản (thuốc trừ sâu bao gồm Indoxacarb);8. Sửa đổi, thiết lập phương pháp thử nghiệm chung;9. Sửa đổi một số điều khoản làm rõ việc sửa đổi của các quy định |
| 67 | G/SPS/N/EU/582 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 21/07/2022 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II, III và V Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồngchâu Âu về mức dư lượng canxi phosphide, cyromazine, topramezone và triflumizole tron sản phẩm nhất định | Dự thảo đề xuất MRLs đối với canxi phosphide, cyromazine, topramezone và triflumizole trong một số mặt hàng thực phẩm nhất định. MRL đối với một số mặt hàng đã được thay đổi. Mức MRLs thấp hơn được điều chỉnh lại, sau khi đã xóa các mục đích sử dụng cũ mà Liên minh cho là không được phép, hoặc các mối lo ngại liên quan đến sức khỏe con người sẽ không bị loại trừ. Một số MRL được giữ lại do liên quan đến mục đích thú y. |
| 68 | G/SPS/N/EU/581 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 21/07/2022 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II, III, IV và V Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng benzalkonium chloride (BAC), chlorpropham, didecyldimethylammonium chloride (DDAC), flutriafol, metazachlor, nicotine, profenofos, quizalofop-P, natri nhôm silicat, thiabendazole và triadimenol trong một số sản phẩm nhất định | Dự thảo đề xuất MRL đối với benzalkonium chloride (BAC), chlorpropham, didecyldimethylammonium chloride (DDAC), flutriafol, metazachlor, nicotine, profenofos, quizalofop-P, natri nhôm silicat, thiabendazole và triadimenol trong một số mặt hàng nhất định. MRL đối với một số mặt hàng đã được thay đổi. Mức MRLs thấp hơn được điều chỉnh lại, sau khi đã xóa các mục đích sử dụng cũ mà Liên minh không được phép, hoặc các mối lo ngại liên quan đến sức khỏe con người sẽ không bị loại trừ. Tạm thời hạ một số MRL do thay đổi của dữ liệu giám sát MRL. |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/TPKM/590/Add.1 | TY | Đài Loan | 18/08/2022 | Sửa đổi Điều 14, Điều 9 (Phụ lục 7-1), Điều 10 (Phụ lục 8-3, 8-4 và 9) và Điều 18 (Phụ lục 16-1) của "Quy định đối tượng cần kiểm dịch động vật nhập khẩu) | Việc sửa đổi Điều 14, Điều 9 (Phụ lục 7-1), Điều 10 (Phụ lục 8-3, 8-4 và 9) và Điều 18 (Phụ lục 16-1) của " Quy định đối tượng cần kiểm dịch động vật nhập khẩu" của Đài Loan về dự thảo sửa đổi Điều 14, Điều 9 (Phụ lục 7-1), Điều 10 (Phụ lục 8-3, 8-4 và 9) và Điều 18 (Phụ lục 16-1) của " Quy định đối tượng cần kiểm dịch động vật nhập khẩu" ngày 13 tháng 7 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/590). Bản sửa đổi được ban hành vào ngày 11 tháng 8 năm 2022 |
| 2 | G/SPS/N/NZL/683/Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/08/2022 | Sửa đổi đối tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cây ươm (MPI) 155.02.06 | Sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu 155.02.06: cây ươm có hiệu lực từ ngày 16 tháng 8 năm 2022. Tiêu chuẩn này đang được sửa đổi với các biện pháp quản lý *Orchid fleck dichorhavirus* lan truyền ở 18 chi cây lan. Ngoài ra, 340 loài *Oncidium* mới sẽ được thêm vào tiêu chuẩn này bằng cách đưa vào chỉ số an toàn sinh học thực vật (PBI). Các loài *Oncidium* này sẽ có các yêu cầu nhập khẩu giống như các loài khác, làm cho chúng đủ điều kiện để nhập khẩu cây ươm. Tuy nhiên, hạt giống cho con đường gieo hạt sẽ vẫn đóng. Ngày áp dụng quy định 16 tháng 8 năm 2022 |
| 3 | G/SPS/N/UGA/157/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS 640: 2021, Quy tắc thực hành sản xuất, xử lý và chế biến trái cây và rau quả sấy khô, Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 640: 2021, Quy tắc thực hành sản xuất, xử lý và chế biến trái cây và rau quả sấy khô, Phiên bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/157, đã được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn được thông qua US 640: 2021, Quy tắc thực hành về sản xuất, xử lý và chế biến trái cây khô và rau |
| 4 | G/SPS/N/UGA/158/Add.1 | CT | Uganda | 11/08/2022 | DUS 2238: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Súp và nước dùng; Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 2238: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Súp và nước dùng, Phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/158 , được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ 2238: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Súp và nước dùng, có thể được tải trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 5 | G/SPS/N/UGA/156/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật Rau khô và thảo mộc để sử dụng ; Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Đặc điểm kỹ thuật Rau khô và thảo mộc để sử dụng, Phiên bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/156, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ 889: 2021, Đặc điểm kỹ thuật Rau khô và thảo mộc để sử dụng, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/ . |
| 6 | G/SPS/N/UGA/155/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Khoai tây chiên và khoai tây cắt mỏng rán giòn; Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Khoai tây chiên và khoai tây cắt mỏng rán giòn, Phiên bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/155, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ 882: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Khoai tây chiên và khoai tây cắt mỏng rán giòn, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 7 | G/SPS/N/UGA/154/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Trái cây sấy khô; Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 887: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Trái cây sấy khô, phiên bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/154, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn Hoa Kỳ 877: 2021 đã được thông qua, Đặc điểm kỹ thuật - Trái cây sấy khô, có thể được lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 8 | G/SPS/N/UGA/147/Add.1 | CT, ATTP | Uganda | 11/08/2022 | DUS 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Chất làm trắng sữa, Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật -Chất làm trắng sữa, phiên bản thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/147, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ 1600: 2021, Đặc điểm kỹ thuật - Chất làm trắng sữa, Phiên bản thứ hai, có thể được tải trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 9 | G/SPS/N/UGA/146/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Uganda | 11/08/2022 | DUS 2245: 2020, Yêu cầu - An toàn thực phẩm, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS 2245: 2020, Yêu cầu - An toàn thực phẩm, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/146 , được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ 2245: 2021, Yêu cầu - An toàn thực phẩm, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 10 | G/SPS/N/UGA/145/Add.1 | CT | Uganda | 11/08/2022 | DUS 2172: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - Dầu Chia; Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS 2172: 2020, Đặc điểm kỹ thuật - Dầu Chia, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/145, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn được thông qua DUS 2172: 2021, Dầu Chia - Đặc điểm kỹ thuật, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 11 | G/SPS/N/UGA/129/Add.1 | CT | Uganda | 11/08/2022 | DUS DEAS 1011: 2019, Đặc điểm kỹ thuật-Phô mai Cheddar, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1011: 2019, Đặc điểm kỹ thuật- thông số pho mát Cheddar, phiên bản đầu tiên, được thông báo trên G/SPS/N/UGA/129, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn Hoa Kỳ EAS 1011: 2021 đã được thông qua, Đặc điểm kỹ thuật pho mát Cheddar, có thể được lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 12 | G/SPS/N/UGA/103/Add.1 | CT | Uganda | 11/08/2022 | DUS DEAS 1003: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Bơ hạt điều; Ấn bản đầu tiên | ự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1003: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Bơ hạt điều, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/103, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ EAS 1003: 2021, Bơ hạt điều - Đặc điểm kỹ thuật, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 13 | G/SPS/N/UGA/102/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS DEAS 1002: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Hạt điều rang; Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1002: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Hạt điều rang, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/102, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn Hoa Kỳ EAS 1002: 2021 đã được thông qua, Hạt điều rang - Đặc điểm kỹ thuật, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 14 | G/SPS/N/UGA/101/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS DEAS 1001: 2019, Hạt điều nhân - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1001: 2019, Đặc điểm kỹ thuật - Hạt điều nhân, phiên bản đầu tiên, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/101, được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ EAS 1001: 2021 đã được thông qua, Hạt điều nhân - Đặc điểm kỹ thuật, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 15 | G/SPS/N/UGA/100/Add.1 | BVTV | Uganda | 11/08/2022 | DUS DEAS 1000: 2019, Đặc điểm kỹ thuật -Hạt điều thô;Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1000: 2019; Ấn bản đầu tiên được thông báo trong G/SPS/N/UGA/100 được thông qua vào ngày 14 tháng 12 năm 2021. Tiêu chuẩn đã được thông qua của Hoa Kỳ EAS 1000: 2021, Hạt điều thô - Đặc điểm kỹ thuật, có thể lấy trực tuyến tại https://webstore.unbs.go.ug/. |
| 16 | G/SPS/N/CAN/1437/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 05/08/2022 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Fluopyram | Giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho fluopyram được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1437 (ngày 2 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng nông sản thô (RAC) và/hoặc đã qua chế biến |
| 0,5 | Hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15), trừ gạo và ngô 2,3 |
| 0,3 | Hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (đã sửa đổi) 4 |
| 0,03 | Hạt cà phê |
| 0,02 | Ngô, hạt bỏng ngô 2 |
| 0,01 | Hạt ngô ngọt cộng với lõi ngô đã bỏ vỏ 2 |

1ppm = phần triệu2 MRLs thay thế 1,5 ppm MRL đã được thiết lập cho các loại hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15), ngoại trừ gạo.3 MRL 2,0 ppm đối với cám và mầm lúa mì đã bị thu hồi. Những mặt hàng lúa mì này hiện được quy định theo MRL hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15) là 0,5 ppm.4 MRL thay thế MRL đã thiết lập là 1,8 ppm cho hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) ( đã sửa đổi). |
| 17 | G/SPS/N/CAN/1436/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 05/08/2022 | Thiết lập Giới hạn dư lượng tối đa: *Pyraclostrobin* | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho *pyraclostrobin* được thông báo trong G / SPS / N / CAN / 1436 (ngày 2 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc đã qua chế biến |
| 1,5 | Sơ ri, quả mộc qua Trung Quốc, quả mộc qua Nhật Bản, sơn trà, … |
| 0.9 | Hành bó Beltsville, hoa hiên, lá hẹ tươi Trung Quốc, hành tươi, hành boa rô, tỏi tây, … |

1ppm = phần triệu2 MRL được thiết lập cho "hẹ tây" ở 0,9 ppm được sửa đổi thành "củ hẹ" để phù hợp với thuật ngữ hiện tại |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1435/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 05/08/2022 | Thiết lập Giới hạn dư lượng tối đa:Topramezone | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho topramezone được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1435 (ngày 2 tháng 5 năm 2022) đã được thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng nông sản thô (RAC) và / hoặc đã qua chế biến |
| 0,05 | Chất béo và phụ phẩm thịt của gia cầm2 |
| 0,01 | Hạt cải dầu3 (phân nhóm cây trồng 20A) (đã sửa đổi); trứng và thịt gia cầm2 |

1ppm = phần triệu2Từ gia cầm tiêu thụ thức ăn được xử lý bằng topramezone.3Canola là một loại hạt cải dầu. |
| 19 | G/SPS/N/SGP/76/Add.1 | TY | Singapore | 04/08/2022 | (A) Dự thảo quy định về thực phẩm (Bản sửa đổi số X) 2022; và (B) Điều kiện Thú y để nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm; Thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn; thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò | (A) Thực phẩm Dự thảo (Bản sửa đổi số X) Quy định 2022Dự thảo Quy định về thực phẩm (Bản sửa đổi số X) 2022 được thông báo trong G/SPS/N/SGP/76 sẽ được công bố dưới dạng Quy định Thực phẩm (Bản sửa đổi) 2022 và có hiệu lực vào ngày 31 tháng 7 năm 2022.(B) Các Điều kiện thú y để nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm; thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn; và thịt bò và các sản phẩm từ thịt bòTương ứng, điều kiện thú y nhập khẩu gia cầm và sản phẩm gia cầm, điều kiện thú y nhập khẩu thịt lợn và sản phẩm thịt lợn, cũng như điều kiện thú y nhập khẩu thịt bò và sản phẩm thịt bò, sẽ được sửa đổi để bao gồm điều kiện sau, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2022 :"Các phương pháp điều trị giảm mầm bệnh (PRT) chỉ có thể được sử dụng trên thịt sống chưa được ướp muối, tẩm ướp, bảo quản hoặc trải qua bất kỳ hình thức chế biến nào khác. Cơ sở chỉ có thể sử dụng các PRT được SFA phê duyệt ở mức sử dụng tối đa. Các PRT là được sử dụng cùng với các thực hành vệ sinh thích hợp và không được sử dụng để làm cho thịt bị ô nhiễm phù hợp cho người ăn. " |
| 20 | G/SPS/N/THA/484/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Thái Lan | 03/08/2022 | Thông báo của Bộ Y tế Cộng đồng có tiêu đề "Bao bì thực phẩm bằng nhựa" | Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) có tên "Bao bì thực phẩm bằng nhựa", trước đây được thông báo trong G/SPS/N/THA/484 ngày 27 tháng 1 năm 2022, đã được thông qua và xuất bản trên Công báo Hoàng gia ngày 1 tháng 6 năm 2022 dưới dạng Thông báo của Bộ Y tế Cộng đồng (Số 435).Ngày có hiệu lực: Vào ngày sau ngày đăng Công báo Chính phủ trở đi (18 tháng 6 năm 2022) |
| 21 | G/SPS/N/TPKM/585/Add.1 | ATTP | Đài Loan | 02/08/2022 | Tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của chất phụ gia thực phẩm | Bản sửa đổi cuối cùng của Tiêu chuẩn về Đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn phụ gia thực phẩm (G/SPS/N/TPKM/585) đã có hiệu lực vào ngày 2 tháng 8 năm 2022. |
| 22 | G/SPS/N/JPN/897/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho tylvalosin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/897 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4943\_00\_x.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 23 | G/SPS/N/JPN/896/Add.1 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho trimethoprim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/896 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4944\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 24 | G/SPS/N/JPN/895/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho robenidine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/895 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) đã được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4945\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 25 | G/SPS/N/JPN/894/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho oxyclozanide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/894 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4946\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 26 | G/SPS/N/JPN/893/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho maduramicin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/893 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4947\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 27 | G/SPS/N/JPN/892/Add.1 | ATTP, QLCL | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho isoeugenol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/892 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4948\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 28 | G/SPS/N/JPN/891/Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho halofuginone được thông báo trong G/SPS/N/JPN/891 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4951\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 29 | G/SPS/N/JPN/890/Add.1 | ATPP, BVTV, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho sedaxane được thông báo trong G/SPS/N/JPN/890 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4952\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 30 | G/SPS/N/JPN/889/Add.1 | ATPP, BVTV, TY, QLCL | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng[)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7138) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho propargite được thông báo trong G/SPS/N/JPN/889 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) đã được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4949\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 31 | G/SPS/N/JPN/888/Add.1 | ATPP, TY, QLCL | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho metamifop được thông báo trong G/SPS/N/JPN/888 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4941\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 32 | G/SPS/N/JPN/887/Add.1 | ATPP, BVTV, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho mandipropamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/887 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4940\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 33 | G/SPS/N/JPN/886/Add.1 | ATTP. BVTV | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho foramsulfuron được thông báo trong G/SPS/N/JPN/886 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4939\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 34 | G/SPS/N/JPN/885/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho flutianil được thông báo trong G/SPS/N/JPN/885 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4937\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 35 | G/SPS/N/JPN/884/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 27/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho fluazinam được thông báo trong G/SPS/N/JPN/884 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4936\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 36 | G/SPS/N/JPN/898/Add.1 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 26/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho canthaxanthin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/898 (ngày 7 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau: https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4931\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |
| 37 | G/SPS/N/JPN/883/Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 26/07/2022 | Tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (MRLs) cho clethodim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/883 (ngày 6 tháng 12 năm 2021) được thông qua và ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2022.Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/JPN/22\_4930\_00\_e.pdfNội dung chính của phụ lục: Thông báo quy định được thông qua, công bố hoặc có hiệu lực |